

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

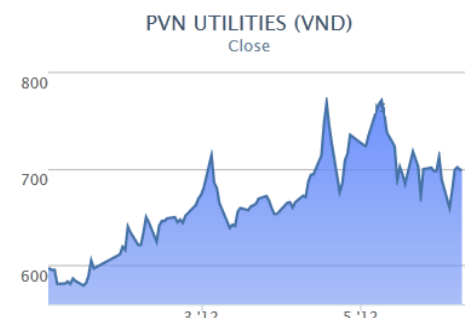
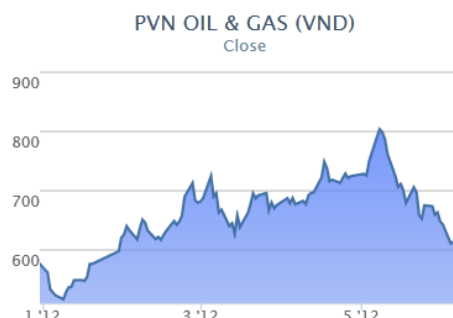
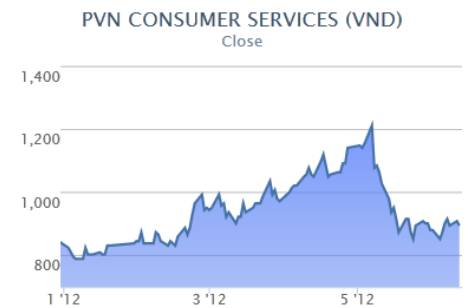


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	838.59	↓-19.52	↓ -2.27
PVN All-Share Continuous	693.28	↓-15.26	↓ -2.15
PVN All-Share	673.71	↓-15.32	↓ -2.22
PVN All-Share HSX	703.6	↓-14.5	↓ -2.02
PVN All-Share HNX	641.35	↓-15.96	↓ -2.43
PVN Vật Liệu Cơ Bản	976.81	↓-8.7	↓ -0.88
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	894.37	↓-14.08	↓ -1.55
PVN Tài Chính	656.66	↓-25.83	↓ -3.78
PVN Công Nghiệp	570.87	↓-17	↓ -2.89
PVN Dầu Khí	619.61	↓-10.08	↓ -1.6
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	693.46	↓-6.22	↓ -0.89

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	428.16 ↓	-4.34	-1.00%
KLGD (triệu ck)	57.13 ↓	-11.02	-16.17%
GTGD (tỷ đồng)	838.43 ↓	-341.77	-28.96%
Tổng cung (triệu ck)	62.41 ↓	-30.24	-32.64%
Tổng cầu (triệu ck)	65.42 ↓	-28.57	-30.40%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.81 ↓	-0.52	-15.75%
KL bán (triệu ck)	5.88 ↓	-1.19	-16.85%
Giá trị mua (tỷ đồng)	80.76 ↑	3.70	4.80%
Giá trị bán (tỷ đồng)	140.79 ↓	-24.87	-15.01%

Nhận định thị trường:

Xu hướng giảm của giá dầu thô thế giới vẫn chưa có dấu hiệu ngừng lại. Sau vài phiên phục hồi nhẹ, giá dầu thô tương lai lại giảm mạnh, đóng cửa dưới 83 USD/thùng lần đầu tiên từ tháng 10/2011. Trong nước, sau khi giá bán lẻ xăng dầu chính thức giảm vào tuần trước thì có rất nhiều ý kiến cho rằng mức giảm giá xăng dầu trong nước tương đối “nhỏ giọt” so với khi tăng. Bên cạnh đó, việc tăng – giảm giá xăng dầu bán lẻ trong nước thời điểm hiện tại ít có tác động tới lạm phát, do đó việc giảm giá xăng dầu hầu như không tạo được sức hỗ trợ với thị trường.

Nhận định về động thái giảm lãi suất, Bloomberg dẫn lời của Edwin Gutierrez, chuyên gia quản lý danh mục đầu tư tại Quỹ Aberdeen Asset Management, cho rằng trong bối cảnh lạm phát hạ nhiệt mạnh, tăng trưởng tín dụng âm thì việc giảm lãi suất là hoàn toàn hợp lý, tuy nhiên hiệu quả đến đâu vẫn còn là một ẩn số. Cho tới thời điểm hiện tại, nhà đầu tư đều đã thấy rằng lãi suất chỉ đang là một biến số trong bức tranh kinh tế tổng thể. Diễn biến những phiên qua cho thấy thông tin về việc hạ lãi suất cũng không có sức hỗ trợ mạnh với thị trường.

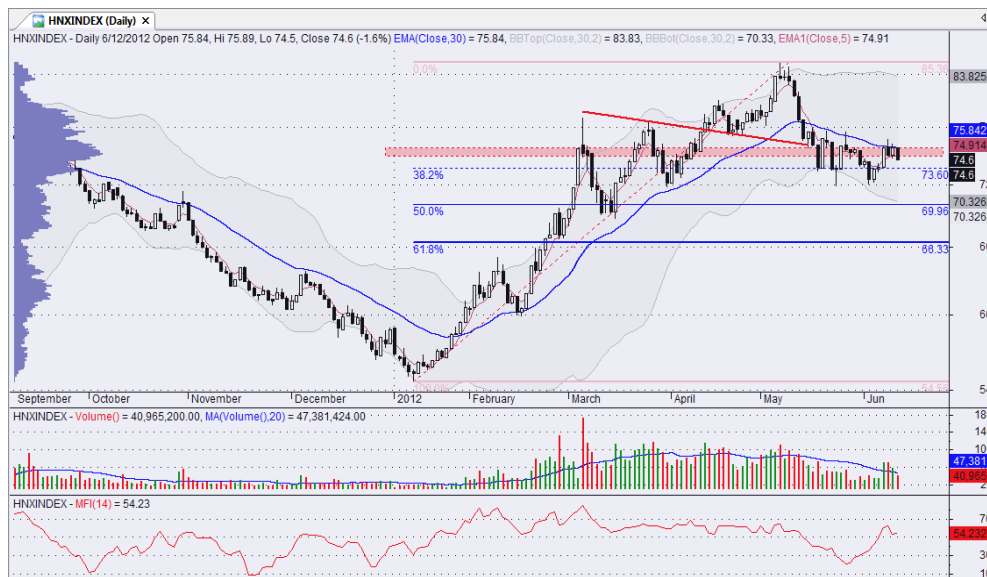
Một số dấu hiệu cho thấy tâm lý thị trường đang lo ngại áp lực thoái vốn ngắn hạn của khối ngoại, mà cụ thể là các ETFs. Trong lần xem xét mới nhất vào đầu tháng 6 vừa qua, FTSE loại 3 mã REE, PET và KDH ra khỏi danh mục FTSE Vietnam Index và 5 mã cổ phiếu DHG, VCF, PGD, ASM và LCG ra khỏi danh mục FTSE Vietnam All-share Index. Khác hẳn với những lần gần đây, FTSE không bổ sung thêm bất cứ cổ phiếu mới nào. Xét tổng thể, đây cũng là phiên bán ròng thứ 7 liên tiếp của khối ngoại. Bên cạnh nghi vấn về áp lực thoái vốn ngắn hạn, cũng có một số ý kiến cho rằng giao dịch của khối này chịu ảnh hưởng mạnh bởi diễn biến bất lợi từ tình hình thế giới (đặc biệt là EU).

Cho tới thời điểm hiện tại, diễn biến thị trường cho thấy những thông tin tích cực tuần trước hầu như không tạo được sự hưng phấn cho thị trường. Về mặt kỹ thuật, chỉ số hai sàn thậm chí còn chưa vượt qua được đường EMA (30) và hiện vẫn nằm trong xu thế giảm. Thanh khoản khớp lệnh giảm trở lại mức thấp là một tín hiệu đáng ngại. Với mức thanh khoản thấp như hiện nay, nếu khối ngoại tiếp tục duy trì hoặc tăng lượng bán ròng mỗi phiên thì sẽ tạo một áp lực giảm trong ngắn hạn tương đối lớn tới chỉ số VN-index. Nhà đầu tư chưa nên giải ngân tham gia thị trường cho tới khi xuất hiện những diễn biến tích cực hơn.

Công Ty CPCCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:**Nhận định thị trường:****Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	74.60 ↓	-1.20	-1.58%
KLGD (triệu ck)	43.43 ↓	-16.86	-27.96%
GTGD (tỷ đồng)	458.04 ↓	-170.69	-27.15%
Tổng cung (triệu ck)	81.54 ↓	-6.62	-7.51%
Tổng cầu (triệu ck)	61.92 ↓	-24.43	-28.29%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.63 ↓	-1.64	-50.17%
KL bán (triệu ck)	1.47 ↓	-0.59	-28.85%
Giá trị mua (tỷ đồng)	18.88 ↓	-18.98	-50.12%
Giá trị bán (tỷ đồng)	17.62 ↓	-10.07	-36.37%



Đồ thị HNX-Index.

Các tín hiệu kỹ thuật đáng chú ý trên HNX-index:

Tín hiệu xu thế: HNX-Index có chuỗi phục hồi ngắn ngủi và yếu, thậm chí chỉ số còn chưa vượt qua được EMA (30) ngày. Theo đó xu thế giảm vẫn hiện hữu.

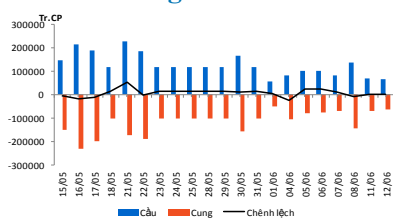
Vấn đề dòng tiền: HNX-index đang đi vào một vùng mà theo công cụ VOL AT PRICE cho thấy đây chính là vùng phân phối hoặc tích lũy. Vùng này sẽ là vùng xảy ra áp lực chốt lời (từ cổ phiếu bắt đáy)/ cắt lỗ (từ cổ phiếu kẹt đỉnh) rất mạnh. Chính vì thế, để có thể tiếp tục tăng, HNX-index sẽ phải nhận được dòng tiền tham gia đủ mạnh để vượt qua áp lực bán này, hoặc phải “dao động đủ lâu” để thoát khỏi tầm ảnh hưởng của áp lực bán từ sóng tăng trước đó.

KLGD cho thấy HNX-index đang rất thiếu dòng tiền. Sự đảo chiều xảy ra ngay khi HNX-Index vừa chạm tới vùng phân phối nêu trên. Nguy cơ giảm trở lại đang hiện hữu.

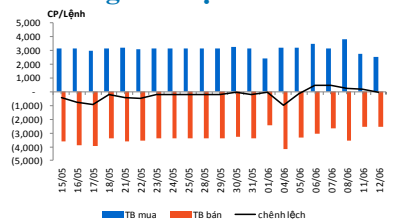
Trong ngắn hạn, HNX-Index tạm thời dao động vùng 70 – 75 điểm. ở mức điểm hiện tại, nguy cơ giảm vẫn hiện hữu, do đó NĐT tạm thời nên dừng việc giải ngân tham gia thị trường.

HSX:

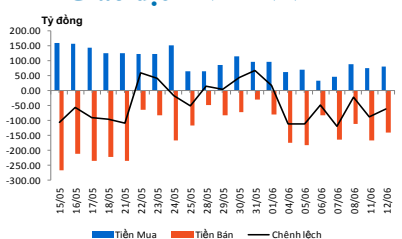
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán

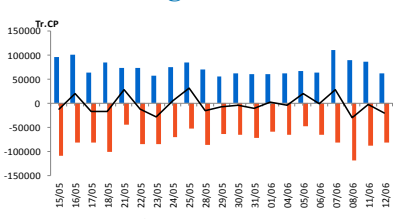


Giao dịch NĐTNN

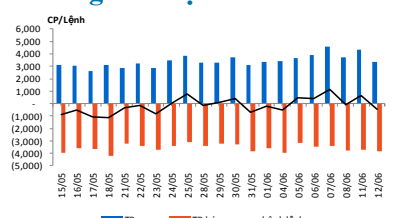


HNX:

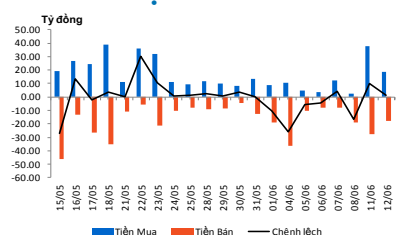
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

Kết thúc đợt 1, VIC trở lại tham chiếu, GAS, VCB cùng tăng nhẹ giúp VN-Index mở cửa trong sắc xanh với 0.39 điểm, tức 0.09% đạt 432.89 điểm. Tuy nhiên, điều này chỉ duy trì được vài phút, VN-Index nhanh chóng giảm điểm trong đợt khớp lệnh liên tục với số mã giảm giá gấp 3 lần số mã tăng (92/38 mã).

Suốt phiên giao dịch buổi sáng, thị trường ảm đạm, giằng co với biên độ hẹp. Cuối buổi, số mã giảm giá chiếm ưu thế. mức giảm của VN-Index vào cuối buổi là 1.41 điểm, tức khoảng 0.33% tạm đóng cửa ở 431.09 điểm. Thanh khoản chỉ vồn vện 36.37 triệu đơn vị, tương đương 518.22 tỷ đồng, nhưng giao dịch thỏa thuận đã chiếm 4 triệu đơn vị, trị giá 74 tỷ đồng.

Kết phiên, VN-Index giảm đúng 1%, tương đương 4.34 điểm lùi về 428.16 điểm. Giao dịch đạt khoảng 57 triệu đơn vị tại HOSE, tương đương 834.43 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

HNX-Index giảm điểm nhẹ ngay khi mở cửa do các mã cổ phiếu lớn của sàn này linh xình quanh mốc tham chiếu, và giao dịch cũng khá yếu. VCG chỉ còn tăng nhẹ 200 đồng thay vì tăng trần với dư mua chiếm áp đảo như phiên trước. VND đảo chiều giảm 100 đồng hay PVX tăng nhẹ 100 đồng nhưng giao dịch đã yếu hẳn chỉ có 232 ngàn đơn vị chuyển nhượng sau 15 phút giao dịch. Với tổng cộng 57 mã giảm giá, 26 mã tăng làm cho HNX-Index mất 0.12 điểm, tức 0.16% xuống 75.68 điểm. Giao dịch linh xình với 2.5 triệu đơn vị chuyển nhượng, tương đương 27 tỷ đồng.

Chốt phiên giao dịch sáng, sàn HNX giảm điểm đầu phiên nhưng vẫn giữ được mốc 75 điểm. Cuối buổi, HNX-Index giảm 0.65 điểm, tức 0.86% xuống 75.15 điểm. Mua thấp bán cao khiến thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh, chỉ còn 22.4 triệu đơn vị, tương đương 244 tỷ đồng.

Kết phiên, HNX-Index mất 1.2 điểm, tức khoảng 1.58% xuống 74.6 điểm. HNX có 43.45 triệu đơn vị, trị giá 458.24 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 2 cổ phiếu tăng giá, 2 cổ phiếu đứng giá và 24 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PPS (tăng 6,98%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PPE (giảm 5,45%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,89% và tổng khối lượng giao dịch đạt 11,234 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 12/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,900.0	300	↑ 1.72	0.52	15.95	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,800.0	81,600	↓ -2.56	0.37	34.55	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,600.0	199,800	↓ -5.08	0.33	0.55	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22,900.0	497,800	↓ -2.55	1.88	1.52	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13,800.0	542,700	↑ 6.98	1.28	8.73	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,200.0	100	↓ -5.45	0.48	2.87	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,400.0	141,900	↓ -5.26	0.53	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,600.0	89,891	↓ -1.19	0.99	2.48	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,700.0	73,600	↓ -0.85	2.05	5.34	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,400.0	270,100	↓ -1.59	0.79	8.92	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,500.0	15,340	↓ -1.60	0.79	9.34	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,500.0	1,100	↓ -1.52	0.62	3.05	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,900.0	722,685	↓ -1.85	1.34	4.25	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,500.0	5,215,738	↓ -2.78	0.46	3.95	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	36,300.0	200,760	↓ -1.36	2.93	11.63	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33,700.0	250,980	↓ -0.88	2.02	5.44	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,400.0	16,800	↓ -1.44	1.26	3.33	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,500.0	38,400	↔ 0.00	0.73	6.20	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,700.0	297,630	↓ -1.55	0.72	3.13	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	34,500.0	1,840	↓ -0.86	1.69	4.87	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,800.0	197,510	↓ -3.33	0.57	4.50	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,700.0	106,220	↓ -0.88	1.14	6.62	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	12,800.0	1,289,760	↓ -4.48	1.12	16.20	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,700.0	694,680	↓ -5.00	0.58	51.82	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,000.0	85,600	↓ -4.11	0.67	4.67	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,600.0	35,380	↓ -2.94	0.60	3.44	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,400.0	97,530	↓ -2.56	0.86	3.42	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,800.0	68,400	↔ 0.00	0.62	4.47	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	↔ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	↔ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	↔ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
STB	24,700	24,500	-0.81	64,898,592
SSI	22,000	21,800	-0.91	45,156,084
HSG	21,100	20,900	-0.95	29,392,953
CSM	28,000	26,600	-5.00	23,430,867
OGC	13,600	13,200	-2.94	21,811,630

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
VND	12,100	11,600	-4.13	62,274
PVX	10,800	10,500	-2.78	55,564
SCR	14,800	14,800	0.00	47,400
KLS	11,000	10,600	-3.64	28,191
VCG	12,800	12,700	-0.78	27,998

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,800	1,900	100	5.56
CYC	1,900	2,000	100	5.26
DRL	20,900	21,900	1,000	4.78
THG	15,600	16,300	700	4.49
LM8	11,400	11,900	500	4.39

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PPS	12,900	13,800	900	6.98
YBC	12,900	13,800	900	6.98
INC	7,200	7,700	500	6.94
SGH	70,900	75,800	4,900	6.91
S27	2,900	3,100	200	6.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VKP	1,000	900	-100	-10.00
MAFPF1	4,000	3,800	-200	-5.00
BGM	8,000	7,600	-400	-5.00
OPC	36,000	34,200	-1,800	-5.00
CSM	28,000	26,600	-1,400	-5.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CMI	14,300	13,300	-1,000	-6.99
AMV	4,300	4,000	-300	-6.98
QTC	23,000	21,400	-1,600	-6.96
BHV	11,500	10,700	-800	-6.96
PJC	14,500	13,500	-1,000	-6.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VNM	16,830	STB	51,884
REE	8,828	VNM	17,112
VCB	5,392	VCB	8,606
CTG	4,908	SSI	6,922
GAS	4,244	REE	5,544

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VCG	8,421	VND	11,762
PVX	8,137	AAA	1,028
VND	580	VNR	871
DBC	457	PVS	661
PVE	384	SDT	615

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339